

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Quý 4.2011	Quý 4.2010	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	8,564,925,454	13,077,402,263	34,615,707,805	78,549,560,168
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	8,564,925,454	13,077,402,263	34,615,707,805	78,549,560,168
4. Giá vốn hàng bán	VI.2	8,013,020,748	15,681,491,158	32,594,086,593	76,309,168,017
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		551,904,706	(2,604,088,895)	2,021,621,212	2,240,392,151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4,551,263,610	11,171,500,290	16,664,879,640	22,627,032,043
7. Chi phí tài chính	VI.4	2,995,752,946	2,672,426,037	3,917,932,587	5,222,805,479
Trong đó: chi phí lãi vay		-	-	-	36,458,237
8. Chi phí bán hàng	VI.5	-	124,412,741	-	504,992,005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	1,884,895,974	1,699,159,202	7,044,777,213	8,054,906,798
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		222,519,396	4,071,413,415	7,723,791,052	11,084,719,912
11. Thu nhập khác	VI.7	154,372,891	100,025	1,533,066,647	10,486,680,626
12. Chi phí khác	VI.8	-	30,280	25,687,200	11,086,291,741
13. Lợi nhuận khác		154,372,891	69,745	1,507,379,447	(599,611,115)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		376,892,287	4,071,483,160	9,231,170,499	10,485,108,797
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.18	-	143,368,290	-	1,332,702,200
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>376,892,287</u>	<u>3,928,114,870</u>	<u>9,231,170,499</u>	<u>9,152,406,597</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168,204,797,938	180,799,710,804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67,655,470,753	19,875,523,577
1. Tiền	111		2,090,269,945	8,875,523,577
2. Các khoản tương đương tiền	112		65,565,200,808	11,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40,738,152,909	126,365,198,819
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	45,704,361,453	128,742,660,197
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(4,966,208,544)	(2,377,461,378)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57,478,685,098	32,375,243,539
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	5,956,349,975	4,788,729,431
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	50,322,820,675	25,277,244,108
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	1,199,514,448	2,400,000,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	-	(90,730,000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,332,489,178	2,183,744,869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		241,109,890	313,508,779
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1,241,297,800	1,241,297,800
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	850,081,488	628,938,290

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80,896,778,632	78,328,984,991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11,393,608,632	12,826,317,235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	11,393,608,632	12,826,317,235
<i>Nguyên giá</i>	222		15,734,946,121	15,734,946,121
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4,341,337,489)	(2,908,628,886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		69,272,040,000	65,272,040,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	52,074,040,000	48,074,040,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	17,198,000,000	17,198,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		231,130,000	230,627,756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	231,130,000	230,627,756
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		249,101,576,570	259,128,695,795

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		9,764,822,183	13,198,111,907
I. Nợ ngắn hạn	310		9,211,144,233	12,882,872,157
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312	V.16	5,745,002,816	6,301,130,705
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	-	321,932,543
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	36,695,277	40,259,073
5. Phải trả người lao động	315	V.19	484,091,183	434,592,887
6. Chi phí phải trả	316	V.20	40,000,000	1,757,497,222
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	474,716,088	1,290,386,447
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	2,430,638,869	2,737,073,280
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		553,677,950	315,239,750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	238,438,200	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	315,239,750	315,239,750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239,336,754,387	245,930,583,888
I. Vốn chủ sở hữu	410		239,336,754,387	245,930,583,888
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	115,500,000,000	115,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	108,248,900,000	108,248,900,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(16,904,100,720)	(16,904,100,720)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	5,756,899,134	5,756,899,134
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	5,756,899,134	5,756,899,134
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	20,978,156,839	27,571,986,340
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		249,101,576,570	259,128,695,795

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng**Trần Anh Phượng**
Kế toán trưởng**Nguyễn Văn Khải**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	-	5,317,612,734	5,317,612,734	20,791,726,305	255,175,851,773
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9,152,406,597	9,152,406,597
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	439,286,400	439,286,400	(2,372,146,562)	(1,493,573,762)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(16,904,100,720)	-	-	-	(16,904,100,720)
Số dư cuối năm trước	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	27,571,986,340	245,930,583,888
Số dư đầu năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	27,571,986,340	245,930,583,888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9,231,170,499	9,231,170,499
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ thặng dư	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	115,500,000,000	108,248,900,000	(16,904,100,720)	5,756,899,134	5,756,899,134	20,978,156,839	239,336,754,387

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2012



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phụng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,231,170,499	10,485,108,797
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	1,432,708,603	1,957,508,418
- Các khoản dự phòng	03	V.3	2,498,017,166	2,377,461,378
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(16,429,697,650)	(8,102,277,825)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1,161,221,983	1,743,955,459
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2,106,579,399)	8,461,756,227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25,161,958,112)	(4,132,923,908)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	1,718,242,578
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3,126,855,313)	(4,359,983,165)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	1,808,695,077
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.20, VI.4	(1,158,471,983)	(36,458,237)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	-	(3,408,044,441)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		253,301,132	1,139,932,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(192,672,198)	(8,267,569,762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31,493,235,873)	(7,076,353,631)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(300,627,403)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	-	7,279,227,043
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(80,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		80,000,000,000	11,562,440,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(29,000,000,000)	(40,348,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		23,184,846,470	5,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,913,336,579	9,147,732,370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		95,098,183,049	(87,659,227,990)

này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.24	-	57,750,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24	-	(16,904,100,720)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	-	(52,835,325)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.15	-	(179,608,084)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,825,000,000)	-
			-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,825,000,000)	40,613,455,871
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		47,779,947,176	(54,122,125,750)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19,875,523,577	73,997,649,327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	67,655,470,753	19,875,523,577



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phượng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CHƯA KIỂM TOÁN)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ sửa chữa nhà; Dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ, công viên, vườn thú; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Cho thuê xe ô tô.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 9 nhân viên đang làm việc (cuối năm 2009 có 3.202 nhân viên, cuối năm 2010 có 8 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính so với các năm trước

Từ tháng 3 năm 2010, Công ty đã chuyển giao hoạt động kinh doanh dịch vụ vệ sinh cũng như chuyển nhượng tài sản, công cụ dụng cụ liên quan đến hoạt động dịch vụ vệ sinh cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình làm cho doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể.

Trong năm, Đại hội cổ đông thường niên đã diễn ra đồng ý giảm ngành đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành và cho thuê máy móc thiết bị để đáp ứng quy định trong việc xin cấp đổi giấy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn 70.000.000.000 VND lên 115.500.000.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.4.

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 03 đến 05 năm.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.456.570	14.727.193
Tiền gửi ngân hàng	2.059.813.375	8.860.796.384
Các khoản tương đương tiền (*)	65.565.200.808	11.000.000.000
Cộng	67.655.470.753	19.875.523.577

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (a)		45.704.361.453		48.942.660.197
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	191.660	8014.494.050	136.000	5.915.104.410
- Công ty cổ phần địa ốc An Lạc (*)	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
- Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long (*)	92.400	3.500.000.000	92.400	3.500.000.000
- Công ty cổ phần Đại Nam (*)	47.000	4.700.000.000	47.000	4.700.000.000
- Công ty cổ phần Hùng Vương	420.000	8.232.584.725	-	-
- Công ty cổ phần Long Hậu	102.200	4.889.257.216	76.280	4.600.486.608
- CTCP ĐT&PT CN điện tử viễn thông	-	-	291.500	14.173.510.980
- Công ty cổ phần FPT	-	-	100.000	6.830.656.180
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	-	960	22.902.019
- CTCP XNK Thủy sản An Giang	131.000	2.922.969.278	-	-
- CTCP SXKD XNK Bình Thạnh	155.000	4.445.056.184	-	-
Trái phiếu ngắn hạn – CTCP CK SG (b)	-	-	80.000	80.000.000.000
Cộng		45.704.361.453		128.742.660.197

(*) Cổ phiếu các công ty chưa niêm yết.

(a) Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre:
 - Mua 57.210 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.164.204.766 VND.
 - Bán 1.550 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 64.815.126
- Cổ phiếu CTCP XNK Thủy sản An Giang:
 - Mua 141.570 CP giá mua 3.125.818.166 VND
 - Bán 10.570 CP với giá trị tương ứng là 202.848.888 VND
- Cổ phiếu CTCP văn hoá Tân Bình:
 - Mua 800 CP giá mua 9.859.680 VND
 - Bán 800 CP với giá trị tương ứng là 9.859.680 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc:
 - Mua 65.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.467.429.000 VND.
 - Bán 65.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 1.467.429.000 VND.
- Cổ phiếu Tổng CTCP Khoan và DV khoan dầu khí:
 - Mua 10.000 CP giá mua 447.894.000 VND
 - Bán 10.000 CP giá trị 447.894.000 VND
- Cổ phiếu Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Việt Nam:
 - Mua 55.100 CP giá mua 1.773.289.500 VND
 - Bán 55.100 CP giá trị 1.773.289.500 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn:
 - Mua 659.040 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 19.680.261.960 VND.
 - Bán 660.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 19.703.163.979 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Hùng Vương:
 - Mua 1.390.650 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 26.641.836.316 VND.
 - Bán 970.650 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 18.409.251.591 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Vincom:
 - Mua 2.000 cổ phiếu với giá trị mua và chi phí mua: 212.424.000 VND.
 - Bán 2.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 212.424.000 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông:
 - Bán 291.500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 14.173.510.980 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần FPT:
 - Mua 70.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.368.720.000 VND.
 - Bán 170.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 11.198.041.380 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh:
 - Mua 155.150 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.449.350.940 VND.
 - Bán 150 cổ phiếu với giá trị tương ứng là: 4.294.756 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemandep:
 - Mua 55.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.612.137.840 VND.
 - Bán 55.000 cổ phiếu với giá giá trị tương ứng là 1.612.137.840 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai:
 - Mua 75.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.641.171.800 VND.
 - Bán 75.000 cổ phiếu với giá giá trị tương ứng là 2.641.171.800 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán TP. HCM:
 - Mua 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 288.576.000 VND.
 - Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 288.576.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần tập đoàn Hoà Phát:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mua 120.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 3.489.927.924 VND.
- Bán 120.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.489.927.924 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long:
 - Mua 200.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.134.260.000 VND.
 - Bán 200.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 32.134.260.000 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Long Hậu:
 - Mua 25.950 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 290.579.924 VND.
 - Bán 30 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.809.316 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội:
 - Mua 500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.264.500 VND.
 - Bán 500 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.264.500 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Minh Phú:
 - Mua 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 217.734.600 VND.
 - Bán 10.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 217.734.600 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận:
 - Mua 100.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.572.959.648 VND.
 - Bán 100.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.572.959.648 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu Điện:
 - Mua 5.300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 54.969.720 VND.
 - Bán 5.300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 54.969.720 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông:
 - Mua 112.100 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.802.673.150 VND.
 - Bán 112.100 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.802.673.150 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE:
 - Mua 230.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.913.812.000 VND.
 - Bán 230.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.913.812.000 VND
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:
 - Mua 135.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.808.602.000 VND.
 - Mua 135.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.808.602.000 VND.

(b) Trái phiếu được mua theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu chuyển đổi giữa Công ty với Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn ngày 16 tháng 3 năm 2010 với một số nội dung chủ yếu như sau:

- Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
- Kỳ hạn phát hành 12 tháng.
- Lãi suất định kỳ 4%/năm.
- Giá chuyển đổi được xác định là 85% giá thị trường tại thời điểm phát hành (72.250 VND) kèm theo điều kiện chống pha loãng.
- Phương thức trả gốc: trả gốc một lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu trong trường hợp trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi.
- Phương thức trả lãi: trả lãi 01 lần vào ngày phát hành của năm đáo hạn trái phiếu.

Trong kỳ, Công ty không chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, và thu hồi tiền đầu tư cùng với trái tức.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	2.377.461.378
Trích lập dự phòng bổ sung	2.588.747.166
Số hoàn nhập	
Số cuối kỳ	4.966.208.544

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng phục vụ dịch vụ vệ sinh	3.689.729.646	3.533.792.286
Khách hàng phục vụ dịch vụ khác	342.078.174	101.103.145
- Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình	265.179.182	82.302.000
- Công ty cổ phần thương mại Pan	76.898.992	18.801.145
CTCP CK Sài Gòn (cho thuê văn phòng)	36.036.154	-
CTCP CK Sài Gòn (giao dịch chứng khoán)	1.885.506.000	1.153.834.000
Cộng	5.956.349.975	4.788.729.431

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (công nợ mua chứng khoán)	50.100.000.000	25.100.000.000
Công ty cổ phần thương mại Pan	-	-
Nhà cung cấp khác	222.820.675	177.244.108
Cộng	50.322.820.675	25.277.244.108

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTCP CK Sài Gòn (lãi dự thu)	371.615.844	2.400.000.000
CTCP TM Mại Pan	720.000.000	-
CT TNHH Liên Thái Bình		-
Nhà cung cấp khác	107.898.604	-
Cộng	1.199.514.448	2.400.000.000

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 03 năm.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.941.488	26.903.290
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	833.140.000	602.035.000
Cộng	850.081.488	628.938.290

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.714.008.885	-	1.660.440.540	360.496.696	15.734.946.121
Mua sắm mới	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	13.714.008.885	-	1.660.440.540	360.496.696	15.734.946.121
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	386.370.000	-	386.370.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.871.002.881	-	845.916.701	191.709.304	2.908.628.886
Khấu hao trong năm	1.187.410.942	-	129.353.440	115.944.221	1.432.708.603
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.058.413.823	-	975.270.141	307.653.525	4.341.337.489
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.843.006.004	-	814.523.839	168.787.392	12.826.317.235
Số cuối kỳ	10.655.595.062	-	685.170.399	52.843.171	11.393.608.632
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Không phát sinh tài sản thuê mua tài chính trong kỳ

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Liên Thái Bình ^(a)	600.000	22.274.040.000	600.000	18.274.040.000
Công ty cổ phần thương mại Pan ^(b)	480.000	4.800.000.000	480.000	4.800.000.000
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình ^(c)		25.000.000.000		25.000.000.000
Cộng		52.074.040.000		48.074.040.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104004961 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp. Vốn điều lệ Công ty TNHH Liên Thái Bình là 6.000.000.000 VND, Công ty đã sở hữu 100% vốn điều lệ. Tháng 9 năm 2011, Công ty đã Quyết định tăng vốn Điều lệ của Công ty TNHH Liên Thái Bình tăng vốn điều lệ lên 10.000.000.000 đồng bằng tiền mặt.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 ngày 12 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại Pan 8.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã góp bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty còn phải góp bổ sung 3.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thương mại Pan.

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309493985 ngày 24 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyền Thái Bình 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

13. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn cổ phiếu. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Việt Tín	4.968	4.698.000.000	4.968	4.698.000.000
Công ty cổ phần lắp máy Lilama	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Công ty cổ phần bất động sản SSI	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Cộng		17.198.000.000		17.198.000.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Việt Tín: Công ty thay đổi chính sách đầu tư từ ngắn hạn sang dài hạn với số lượng 4.250 cổ phiếu và giá trị tương ứng 4.250.000.000 VND đã đầu tư trong năm trước. Trong năm, Công ty mua thêm 448 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 448.000.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần lắp máy Lilama: tăng do mua mới trong năm.

14. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

Không phát sinh các hợp đồng vay ngắn hạn, nợ dài hạn kết chuyển.

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CTCP CK Sài Gòn (mua CK chưa thanh toán)	660.275.066	37.518.621
CT TNHH MTV DV Xuyền Thái Bình	4.826.117.377	5.929.813.302
Các nhà cung cấp khác	258.610.373	333.798.782
Cộng	5.745.002.816	6.301.130.705

17. Người mua trả tiền trước

Khách hàng phục vụ dịch vụ vệ sinh trả trước tiền thực hiện hợp đồng.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.241.297.800)	-	-	(1.241.297.800)
Phạt nộp chậm thuế	-	1.270.125	1.270.125	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	40.259.073	570.265.693	573.829.489	36.695.277
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	(1.201.038.727)	575.535.818	579.099.614	36.695.277

- (*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp chế xuất	:	0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp khác	:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.231.170.499	10.485.108.797
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.270.125	610.794.000
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	(14.502.915.000)	(5.765.094.000)
Thu nhập chịu thuế	-	5.330.808.797
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.332.702.200

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và trích trước tiền lương tháng 13 còn phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi trả chậm hợp đồng mua chứng khoán - Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	-	1.707.497.222
Phải trả chi phí kiểm toán trích trước	40.000.000	50.000.000
Cộng	40.000.000	1.757.497.222

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	-------------------	-------------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYÊN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn		103.146.529
Bảo hiểm xã hội		96.038.820
Bảo hiểm thất nghiệp		52.074.674
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Xuyên Thái Bình (khách hàng thanh toán nhằm)	22.330.000	1.035.335.359
CTCP CK Sài Gòn (ứng tiền CK, lãi dự trả)	152.750.000	-
Phải trả phải nộp khác	299.636.088	3.791.065
Cộng	474.716.088	1.290.386.447

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	2.737.073.280
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	
Chi quỹ	306.434.411
Số cuối kỳ	2.430.638.869

23. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CTCP TM Pan đặt cọc thuê văn phòng	49.249.200	-
CT TNHH MTV DV Xuyên Thái Bình	189.189.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	-
Cộng	238.438.200	-

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	315.239.750
Số trích lập bổ sung	-
Số đã chi	-
Số cuối kỳ	315.239.750

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 32.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.550.000	11.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.550.000	11.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.550.000	10.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.550.000	10.550.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	32.618.610.018	75.552.168.220
Doanh thu cho thuê	1.859.888.882	1.043.748.497
Doanh thu phí giám sát	-	1.927.143.451
Doanh thu giặt đầu lau, khác	137.208.905	26.500.000
Cộng	34.615.707.805	78.549.560.168

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là giá vốn của dịch vụ cung cấp. Chi tiết như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		3.280.504.053
Chi nhân công trực tiếp		17.470.044.157
Dịch vụ thuê ngoài	32.594.086.593	55.558.619.807
Cộng	32.594.086.593	76.309.168.017

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.566.196.028	2.182.638.370
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	235.181.990	408.365.683
Cổ tức lợi nhuận được chia	14.502.915.000	5.765.094.000
Lãi hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	800.000.000	14.270.933.990
Cộng	23.104.293.018	22.627.032.043

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Chi phí lãi vay	1.036.163.827	1.743.955.459
Chi phí vốn và phí giao dịch đầu tư tài chính	293.021.594	1.101.388.642

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
ngắn hạn		
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	6.439.413.378	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.588.747.166	2.377.461.378
Cộng	10.357.345.965	5.222.805.479
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	-	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	965.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.100.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	497.534.778
Chi phí khác	-	3.391.171
Cộng	-	504.992.005
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Chi phí cho nhân viên	3.196.842.000	3.564.864.812
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.828.683	157.019.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.432.708.603	1.449.831.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.965.341.062	2.779.333.598
Chi phí khác	397.056.865	103.857.664
Cộng	7.044.777.213	8.054.906.798
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.279.227.043
Thu nhập từ bán vật tư, công cụ dụng cụ	-	3.195.131.689
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.533.066.647	-
Thu nhập khác	-	12.321.894
Cộng	1.533.066.647	10.486.680.626
8. Chi phí khác		
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	7.124.681.588
Giá trị vật tư, công cụ thanh lý	-	3.195.131.689
Phạt chậm nộp thuế	-	610.794.000
Chi phí khác	25.687.200	155.684.464
Cộng	25.687.200	11.086.291.741
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	3.753.970.057
Chi phí nhân công	3.196.842.000	22.162.627.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.432.708.603	1.957.508.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.965.341.062	56.887.711.950
Chi phí khác	449.885.848	107.248.835
Cộng	7.044.777.213	84.869.066.820

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong kỳ, Công ty đã thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với số tiền là 560.348.870 VND. Trong kỳ, Công ty cũng đã gia hạn thời gian thuê nhà của các thành viên quản lý chủ chốt lên 25 năm.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Tiền lương, chi phí theo lương	2.320.000.000	2.633.286.000
Tiền thưởng, tiền thù lao, thu nhập khác	384.495.327	99.250.000
Cộng	2.704.495.327	2.732.536.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Xuyền Thái Bình	Công ty con
Công ty cổ phần thương mại Pan	Công ty con
	Bà Hà Thị Thanh Vân – Chủ tịch HĐQT CTCP Xuyền Thái Bình là vợ ông Nguyễn Hồng Nam – Phó Tổng giám đốc SSI; Ông Nguyễn Văn Khải – Tổng Giám đốc CTCP Xuyền Thái Bình là Trưởng Ban kiểm soát SSI
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Công ty TNHH Liên Thái Bình		
Chi hộ	-	7.448.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Cổ tức	6.000.000.000	1.122.784.000
Bán hàng hóa	-	26.500.000
Góp vốn điều lệ	4.000.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Xuyên Thái Bình		
Phí dịch vụ vệ sinh	32.594.086.593	53.180.147.104
Bán tài sản cố định	-	7.124.681.588
Bán công cụ, dụng cụ	-	1.597.108.455
		-
Bán vật tư	-	1.598.023.234
Phí giám sát dịch vụ vệ sinh và cung cấp vật tư	-	1.927.143.451
Cho thuê xe và văn phòng	1.197.288.038	660.000.000
Doanh thu giặt đầu lau	137.208.905	-
Chuyển nhượng hợp đồng thuê tài chính	-	632.950.253
Góp vốn	-	25.000.000.000
Cổ tức	5.000.000.000	-
Thu đặt cọc thuê văn phòng	189.189.000	-
Công ty cổ phần thương mại Pan		
Mua máy móc, thiết bị, vật tư	-	783.833.878
Cho thuê xe và văn phòng	279.291.704	185.367.768
Thu đặt cọc thuê văn phòng	49.249.200	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn		
Thu lãi trái phiếu	800.000.000	-
Cho thuê văn phòng	383.309.140	-
Phí trả chậm mua cổ phiếu	1.036.163.827	-
Trả trước tiền mua cổ phiếu	25.000.000.000	25.100.000.000

Tại ngày kết thúc năm kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Liên Thái Bình		
Phải thu rút lợi nhuận	-	-
Công ty TNHH một thành viên Xuyên Thái Bình		
Phải thu phí dịch vụ cho thuê	265.179.182	82.302.000
Phải thu do khách hàng thanh toán nhầm	-	-
Công ty cổ phần thương mại Pan		
Cổ tức phải thu	720.000.000	-
Phải thu phí dịch vụ cho thuê	76.898.992	18.801.145
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn		
Trả trước tiền mua cổ phiếu	50.100.000.000	25.100.000.000
Lãi phải thu trái phiếu	-	2.400.000.000
Phải thu tiền dịch vụ cho thuê	36.036.154	-
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác (dự thu)	371.615.844	-
Cộng nợ phải thu	51.569.730.172	27.601.103.145

Công ty TNHH một thành viên Xuyên Thái Bình

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUYỀN THÁI BÌNH

Địa chỉ: 236/43/2 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả phí dịch vụ vệ sinh	4.826.117.377	5.929.813.302
Phải trả do khách hàng thanh toán nhầm	22.330.000	1.035.335.359
Phải trả khoản nhận ký cược thuê văn phòng	189.189.000	-
Công ty cổ phần thương mại Pan		
Phải trả khoản nhận ký cược thuê văn phòng	49.249.200	-
Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn		
Lãi vay phải trả	2.750.000	1.707.497.222
Phải trả do ứng trước tiền bán chứng khoán	150.000.000	-
Cộng nợ phải trả	5.239.635.577	6.965.148.661

2. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	454.368.000	454.368.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.817.472.000	1.817.472.000
Trên 5 năm	3.208.441.000	3.332.032.000
Cộng	5.480.281.000	5.603.872.000

3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Tổng Giám đốc